

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày 01 tháng 3 năm 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khuru Liên Dung

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh đại lý H.

Nơi đăng ký HKTT: Số B02/30E Khóm T, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Số 4, đường N, Phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thùy L, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp 18, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đồng bị đơn: Ông Bùi Nghĩa C, sinh năm 1967

Bà Lâm Thúy P.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà L, ông C có mặt; bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh đại lý H trình bày: Năm 2015 do mối quan hệ làm ăn nên Hộ kinh doanh Đại lý H có bán thức ăn tôm của Công ty LDHH thức ăn Thủy Sản V và các loại thuốc thủy sản cho ông Bùi Nghĩa C và Lâm Thúy P, theo đơn đặt hàng của ông C và bà P. Phương thức thanh toán là Hộ kinh

doanh Đại lý H bán hàng cho ông C và bà P đến khi thu hoạch tôm sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho Hộ kinh doanh Đại lý H.

Trong quá trình giao dịch ông C và bà P có thanh toán cho Hộ kinh doanh Đại lý H nhưng không dứt điểm công nợ. Kể từ ngày chấm dứt giao dịch là ngày 25/9/2018 cho đến nay ông C và bà P còn nợ Hộ kinh doanh Đại lý H số tiền là 220.776.000đ (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Hộ kinh doanh Đại lý H đã nhiều lần cho nhân viên xuống gặp trực tiếp ông C và bà P thanh toán số nợ. Tuy nhiên ông C và bà P lại viện lý do tôm thất, thu được ít, kéo dài thời gian nhằm cố tình không thanh toán phần nợ còn thiếu Hộ kinh doanh Đại lý H. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh Đại lý H số tiền là 220.776.000đ (Hai trăm hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày 25/6/2021 là $(220.776.000đ \times 0.83\% \times 33 \text{ tháng}) = 60.470.546$ đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm bảy mươi chực nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng). Tổng cộng là 281.246.546 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi sáu đồng năm trăm bốn mươi sáu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày 25/6/2021 là $(220.776.000đ \times 0.83\% \times 33 \text{ tháng}) = 60.470.546$ đồng.

** Bị đơn ông Bùi Nghĩa C trình bày ý kiến như sau:* Ông và bà Lâm Thúy P là vợ chồng, từ năm 2016 ông và bà P có mua thức ăn nuôi tôm của đại lý H, đến khoảng năm 2018 do không thanh toán đủ tiền nên Đại lý H ngưng cung cấp thức ăn nuôi tôm cho vợ chồng ông. Quá trình mua bán, Đại lý H giao thức ăn nhiều lần theo đơn đặt hàng của ông C, bà P, việc giao hàng do kỹ sư tên Huy hoặc người giao hàng của Đại lý chở xuống vuông tôm. Mỗi lần giao hàng thì ông C hoặc bà P sẽ ký vào sổ của đại lý và tới cuối vụ khi thu hoạch tôm sẽ trả đủ hết nợ. Ông và bà P có ký hợp đồng mua bán và bảng đối chiếu công nợ với đại lý H. Ông C xác định tới thời điểm hiện nay ông và bà P còn nợ ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh Đại lý H tổng số tiền mua hàn là 220.776.000 đồng, tuy nhiên do đại lý ngưng cung cấp thức ăn làm ảnh hưởng đến việc làm ăn nên tôi không đồng ý trả số tiền trên do không có khả năng để trả. Nay ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh Đại lý H yêu cầu tôi và bà P trả số tiền là 220.776.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày 25/6/2021 là $(220.776.000đ \times 0.83\% \times 33 \text{ tháng}) = 60.470.546$ đồng thì tôi không đồng ý.

** Bà Lâm Thúy P vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà P không đến Tòa án tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh Đại lý H đối với ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P đối với số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày 25/6/2021 là 60.470.546 đồng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh đại lý H về việc buộc ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P có trách nhiệm trả số tiền là 220.776.000 đồng; Ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh đại lý H khởi kiện yêu cầu ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P trả số tiền nợ còn thiếu theo Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản đã ký kết giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông C, bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hiệp Thành, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang T vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Trần Thùy L có mặt; Bà Lâm Thúy P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh Đại lý H yêu cầu ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P có trách nhiệm trả số tiền là 220.776.000 đồng:

Xét giao dịch mua bán thức ăn và thuốc thủy sản giữa ông Nguyễn Quang T và ông Bùi Nghĩa C, bà Lâm Thúy P thấy rằng: Giữa ông T, ông C và bà P có việc thỏa thuận mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với nhau, có ký hợp đồng mua bán, có đối chiếu công nợ giữa các bên, đến ngày 31/3/2021 ông C, bà P còn nợ ông T số tiền là 220.776.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2022 và tại phiên tòa ông Bùi Nghĩa C thừa nhận còn thiếu ông Nguyễn Quang T – chủ Hộ kinh doanh Đại lý H số tiền là 220.776.000đ nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn để giải quyết vụ án, bà P đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đồng thời xác nhận là vợ của ông C nhưng bà P vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Hợp đồng mua hàng được ký kết có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật, được hai bên tự nguyện giao kết. Mặc dù bà P vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng nhưng căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như hợp đồng mua bán, bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/3/2021, sổ ghi nợ, lời trình bày của ông C, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông C, bà P có giao dịch mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Quang T – chủ hộ kinh doanh đại lý H và đến thời điểm hiện nay ông C, bà P còn thiếu ông T số tiền là 220.776.000 đồng, nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông C, bà P trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày 25/6/2021 là $(220.776.000đ \times 0.83\% \times 33 \text{ tháng}) = 60.470.546$ đồng, do ngày 25/01/2022 phía nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này. Xét thấy đây là sự tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Quang T không phải chịu án phí. Do ông C, bà P phải có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T – Chủ hộ kinh doanh Đại lý H đối với ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P đối với số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày 25/6/2021 là 60.470.546 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T – chủ hộ kinh doanh đại lý H đối với ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P.

3. Buộc ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Quang T – chủ hộ kinh doanh đại lý H số tiền 220.776.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Buộc ông Bùi Nghĩa C và bà Lâm Thúy P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.038.800 đồng.

Ông Nguyễn Quang T – chủ hộ kinh doanh đại lý H không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Quang T – chủ hộ kinh doanh đại lý H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.031.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006973 ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. B;
- CCTHADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù trong hợp đồng thế chấp chỉ có chữ ký của ông Long và bà Diệu không có chữ ký của thành viên trong hộ ông Long là chị Ly và chị Mai. Tuy nhiên, trước khi ông Long và bà Diệu ký kết hợp đồng thế chấp thì chị Mai và chị Ly đã cùng ký vào biên bản họp thành viên hộ gia đình ngày 10/11/2015, biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, thành phố B, nội dung biên bản thể hiện chị Ly và chị Mai đồng ý ủy quyền cho ông Long và bà Diệu được toàn quyền thế chấp tài sản hộ gia đình cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long, trong phạm vi ủy quyền ông Long và bà Diệu được ký kết các hợp đồng, văn bản có liên quan đến việc vay vốn, thế chấp theo quy định pháp luật, trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ các thành viên của hộ đồng ý để Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận hợp đồng thế chấp...

Theo biên bản lấy lời khai chị Mai xác định không biết việc vay tiền của ông Long và bà Diệu đối với Ngân hàng, chị không có ký tên vào biên bản họp thành viên hộ gia đình ngày 10/11/2015 nên không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Quá trình giải quyết vụ án cả chị Mai, Ngân hàng và các đương sự khác trong vụ án đều cương

quyết không ai yêu cầu giám định. Căn cứ vào biên bản họp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch đối với các chữ ký của chị Ly và chị Mai là đúng nên không có căn cứ chấp nhận trình bày của chị Mai.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ly đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị Ly cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào liên quan đến hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp này, hơn nữa theo sự thống nhất của ông Toàn, ông Long và bà Diệu sau khi vay tiền ông Long và bà Diệu đưa toàn bộ số tiền vay được cho chị Ly và anh Toàn. Do đó, việc giao dịch vay tiền và thế chấp của ông Long, bà Diệu thì chị Ly đã biết, đến nay chị Ly cũng không có văn bản gì phản đối đối với yêu cầu của Ngân hàng.